TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 11/01/2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bời

2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang: Bà Phan Ngọc Chiêu Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 211/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX- ST ngày 03/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2020/QĐST-DS ngày 20/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 155/4A đường Q, phường H, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1973 và bà Dương Thị Thanh Y, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày*:

Ngày 17/7/2019 bà có cho vợ chồng ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y vay số tiền 142.779.063 đồng *(Một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng).*

Theo hợp đồng vay, vợ chồng ông Trần Văn T phải trả cho bà vào ngày 17 hàng tháng là 5.000.000 đồng. Thời gian thực hiện từ ngày 17/7/2019. Tuy nhiên,

kể từ ngày ký hợp đồng đến nay, vợ chồng ông Trần Văn T không trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào.

Vì vợ chồng ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y đã không thực hiện đúng hợp đồng vay, nên bà đề nghị chấm dứt hợp đồng vay tiền với ông T và bà Y, đồng thời yêu cầu ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải trả số tiền 142.779.063 đồng và tiền lãi tính đến ngày 17/12/2020, tính tròn 17 tháng theo hợp đồng vay tiền và để phù hợp theo quy định của pháp luật nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất 20%/năm, cụ thể:

Tiền lãi vay 17 tháng là: 17 tháng x 142.779.063 đồng x 20%/năm/12 tháng = 40.454.068 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và tiền lãi ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải trả cho nguyên đơn là: 142.779.063 đồng + 40.454.068 đồng = 183.233.131 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*)

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y trả khoản lãi nào khác và không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai cũng như không hòa giải được.

* *Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Bùi Thị L:

Theo lời khai của nguyên đơn, hợp đồng vay tiền ngày 17/7/2019 bà Bùi Thị L có cho ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y vay số tiền 142.779.063 đồng

(Một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng) để làm ăn, theo thỏa thuận vợ chồng ông Trần Văn T phải trả cho nguyên đơn vào ngày 17 hàng tháng là 5.000.000 đồng. Thời gian thực hiện từ ngày 17/7/2019. Hợp đồng vay tiền có cả chữ kí và chữ viết của ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y. Tuy nhiên, kể từ ngày ký hợp đồng đến nay, vợ chồng ông Trần Văn T không trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù nguyên đơn đã gửi thông báo trả nợ và tìm mọi cách để liên hệ đến với bị đơn để yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn đều không hợp tác.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y nợ bà bà Bùi Thị L số tiền 142.779.063 đồng *(Một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng)* là có thật. Đến hạn trả nợ nhưng ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y không thực hiện nghĩa vụ cũng như không có thiện chí trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà L. Tại các phiên hòa giải, bản tự khai bổ sung, nguyên đơn bà Bùi Thị L yêu cầu ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y trả nợ một lần số tiền 142.779.063 đồng *(Một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng)* và tiền lãi tính đến ngày 17/12/2020, nguyên đơn yêu cầu tính tròn 17 tháng theo hợp đồng vay tiền và để phù hợp theo quy định của pháp luật nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất 20%/năm, cụ thể:

Tiền lãi vay 17 tháng là: 17 tháng x 142.779.063 đồng x 20%/năm/12 tháng = 40.454.068 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và tiền lãi vợ chồng ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải trả cho nguyên đơn là: 142.779.063 đồng + 40.454.068 đồng = 183.233.131 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải trả số tiền 183.233.131 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*) là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.233.131 đồng *(Chín triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng).*

- Hoàn lại cho bà Bùi Thị L số tiền 4.164.000 đồng *(Bốn triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016723 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y có trách nhiệm thanh toán số tiền 183.233.131 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng*) cho bà Bùi Thị L, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn T và bà Dương Thị Thanh Y phải chịu 9.233.131 đồng *(Chín triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, một trăm ba mươi mốt đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Bùi Thị L số tiền 4.164.000 đồng *(Bốn triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016723 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

3. Quy định chung: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ly

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ly